

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 637/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 8 - 2025

V/v Tranh chấp ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Liên Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1711/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hồng M, sinh ngày 13/03/1984. Căn cước công dân số: 079084013228; Địa chỉ: A ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (nay là xã V, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 06/08/1984. Căn cước công dân số: 079184006870; Địa chỉ: D ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/11/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Nguyễn Hồng M trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, ông Nguyễn Hồng M và bà Nguyễn Thị N đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31, Quyền số 01/2004 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/3/2004.

Vợ chồng có thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng kể từ khi sinh con vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không còn tình cảm, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Từ đó, vợ chồng đã sống ly thân từ 10 năm nay. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn. Do đó, ông Nguyễn Hồng M yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Nguyễn Hồng M và bà Nguyễn Thị N có 02 con chung tên Nguyễn Hồng H - sinh ngày 04/12/2004 đã trưởng thành, có khả năng lao động và Nguyễn Hồng Nhật H1 – sinh ngày 11/6/2012. Sau ly hôn, ông Nguyễn Hồng M yêu cầu giao con chung tên Nguyễn Hồng Nhật H1 – sinh ngày 11/6/2012 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chưa đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ trở về chung sống với nhau nhưng chỉ có nguyên đơn ông Nguyễn Hồng M có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, bà Nguyễn Thị N vắng mặt không lý do và ông Nguyễn Hồng M có đơn yêu cầu không tiếp tục tổ chức hòa giải nên vụ kiện không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa ông Nguyễn Hồng M và bà Nguyễn Thị N là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn cư trú tại xã B, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã niêm yết và tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị N vắng mặt không lý do và ông Nguyễn Hồng M có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hồng M và bà Nguyễn Thị N tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01/2004 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/3/2004, đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Hồng M và bà Nguyễn Thị N là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[4] Trong quá trình tố tụng, bị đơn không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp theo quy định của pháp luật.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Hồng M xác định đời sống hôn nhân giữa ông Nguyễn Hồng M và bà Nguyễn Thị N phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân.

[6] Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

[7] Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, vợ chồng ông Nguyễn Hồng M và bà Nguyễn Thị N đã trải qua thời gian dài mâu thuẫn, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, mỗi người mạnh ai nấy sống và không quan tâm đến nhau, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về con chung, cấp dưỡng: Trong thời gian chung sống, ông Nguyễn Hồng M và bà Nguyễn Thị N có 02 con chung tên Nguyễn Hồng H - sinh ngày 04/12/2004 đã trưởng thành, có khả năng lao động và Nguyễn Hồng Nhật H1 – sinh ngày 11/6/2012. Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hồng M yêu cầu giao Nguyễn Hồng Nhật H1 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nuôi con.

[9] Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

[10] Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hồng M, giao con chung Nguyễn Hồng Nhật H1 - sinh ngày 11/06/2010 cho bà Nguyễn Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Nguyễn Hồng M do bà Nguyễn Thị N chưa có yêu cầu, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng M đối với bà Nguyễn Thị N .

2. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hồng M được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

3. Về con chung: Ông Nguyễn Hồng M và bà Nguyễn Thị N có 02 con chung tên Nguyễn Hồng H - sinh ngày 04/12/2004 đã trưởng thành, có khả năng lao động và Nguyễn Hồng Nhật H1 – sinh ngày 11/6/2012. Giao con chung Nguyễn Hồng Nhật H1 - sinh ngày 11/06/2012 cho bà Nguyễn Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Nguyễn Hồng M do bà Nguyễn Thị N chưa có đơn yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con; không bên nào được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Hồng M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 03/12/2024, ông Nguyễn Hồng M đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0047641 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh được đối trừ.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV8 TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV8 - TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Liên Quân